

Số: **15** /2014/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **12** tháng **5** năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời về việc dẫn dụ và gây nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tạm thời về quản lý nuôi chim yến;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời về việc dẫn dụ và gây nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, như sau:

**1. Khoản 1, Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ sở dẫn dụ và gây nuôi chim yến (gọi tắt là cơ sở nuôi chim yến - bao gồm nhà yến, nhà kho và cơ sở chế biến) là nơi diễn ra hoạt động dẫn dụ, gây nuôi chim yến, thu hoạch và chế biến tổ yến mang tính chất thương mại do tổ chức, cá nhân làm chủ.”

**2. Điểm a, Khoản 1, Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Các tổ chức, cá nhân chỉ được xây dựng, phát triển cơ sở nuôi chim yến khi đảm bảo một trong hai điều kiện như sau:

a) Ở vùng ngoại thành, ngoại thị, vùng nông thôn, vùng có mật độ dân cư thấp, vùng nội thị còn hoạt động sản xuất nông nghiệp, vùng ven biển phải phù hợp với quy hoạch của địa phương hoặc phải có sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

### **3. Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Đối với các cơ sở dẫn dụ và gây nuôi chim yến đang hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng không có Giấy chứng nhận về điều kiện môi trường thì phải hoàn tất hồ sơ bảo vệ môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn 6 tháng kể từ Quyết định này có hiệu lực.

3. Cơ sở nuôi chim yến có sử dụng âm thanh để dẫn dụ, được sử dụng âm thanh không vượt quá 70 decibel và chỉ được phát âm thanh trong khoảng thời gian từ 6 giờ đến 21 giờ; khuyến khích các cơ sở nuôi chim yến sử dụng âm thanh không vượt quá 55 decibel trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút.”

### **4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“Điều 5. Điều kiện vệ sinh thú y và phòng chống dịch bệnh

1. Nhà nuôi nuôi chim yến phải làm vệ sinh thường xuyên và thực hiện các biện pháp tiêu độc, khử trùng ít nhất một lần/tuần. Không sử dụng chất khử trùng ảnh hưởng đến chất lượng tổ yến. Trong trường hợp chống dịch, thực hiện vệ sinh tiêu độc, khử trùng theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

2. Cơ sở nuôi chim yến phải có trang phục bảo hộ cá nhân (quần áo, ủng, khẩu trang,...). Người làm việc và khách tham quan phải mặc bảo hộ cá nhân của cơ sở, rửa tay bằng xà phòng trước khi vào và sau khi ra khỏi cơ sở.

3. Dụng cụ phục vụ việc khai thác tổ yến phải được làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng trước và sau khi sử dụng.

4. Chất thải từ việc nuôi chim yến phải được thu gom, tiêu độc, khử trùng và xử lý bằng một trong các biện pháp ủ, đốt, chôn lấp hoặc phương pháp khác nhằm đảm bảo an toàn trước khi đưa ra môi trường.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thú y tổ chức lấy mẫu để kiểm soát sự lưu hành của mầm bệnh theo định kỳ 06 tháng/lần và đột xuất khi có hiện tượng chim yến chết bất thường hoặc khi có dịch bệnh xảy ra. Kinh phí lấy mẫu và xét nghiệm do chủ cơ sở nuôi chim yến chi trả theo quy định hiện hành.”

### **5. Khoản 1, Khoản 2, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Khai báo với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) về việc dẫn dụ và gây nuôi chim yến trước khi cơ sở nuôi chim yến hoạt động (mẫu đính kèm).

a) Đối với cơ sở dẫn dụ và gây nuôi chim yến đã hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực, chủ cơ sở phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ Quyết định này có hiệu lực

b) Khi có sự thay đổi về quy mô của cơ sở nuôi chim yến (diện tích, số lượng chim yến), chủ cơ sở nuôi chim yến phải khai báo chậm nhất vào ngày 30/10 hàng năm.

2. Khi phát hiện chim yến chết hoặc có dấu hiệu bất thường, chủ cơ sở phải báo với cơ quan thú y gần nhất hoặc chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.”

**6. Điểm b, Khoản 2, Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và hướng dẫn cấp huyện thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường đối với hoạt động dẫn dụ và gây nuôi chim yến.”

**7. Khoản 2, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng quy hoạch vùng dẫn dụ và gây nuôi chim yến tập trung trên địa bàn huyện; đồng thời hướng dẫn các chủ cơ sở đang dẫn dụ và gây nuôi chim yến không đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 thực hiện việc di dời đến vùng dẫn dụ và gây nuôi chim yến được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

**8. Bãi bỏ Khoản 3, Điều 2.**

**9. Bổ sung Điều 5a như sau:**

“Điều 5a. Khai thác và sơ chế tổ yến

Việc khai thác và sơ chế tổ yến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 35/2013/TT-BNN&PTNT ngày 22/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tạm thời về quản lý nuôi chim yến.”

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- UBND: CT và các PCT;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Công báo, Website tỉnh;
- Lưu VT, P.KTN (Tâm, Nhà) C o

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Duc*  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Lê Văn Nghĩa*